

Số: 36 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 12 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy (Phạm vi đường ống cấp nước xã Sa Bình, Sa Nghĩa, Sa Nhơn)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 05/TTr-STNMT ngày 05/01/2018 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường công trình: Cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy và ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 3597/HĐTDGD ngày 27/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (chi tiết có phụ lục giá đất cụ thể kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Sa Thầy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PVP_{NNTN});
- Lưu: VT-NNTN2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

PHỤ LỤC

Giá đất cụ thể tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Phạm vi đường ống cấp nước xã Sa Bình, Sa Nghĩa, Sa Nhơn)
(Kèm theo Quyết định số 36 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2018 của UBND tỉnh)



STT	Tên đơn vị hành chính - Loại đất	Giá đất theo QĐ số 72/2014/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Giá đất ở ven trục đường giao thông chính (Quốc lộ 14C, tỉnh lộ 674, 675)			
1	Đoạn từ cầu Đò xã Sa Nghĩa đến ngã ba tỉnh lộ 675 (cũ) đường vào UBND xã Sa Bình (cũ)	120.000	234.000	1,95
2	Tỉnh lộ 675, đoạn từ UBND xã Sa Nhơn đến 200m đi Rờ Koi, đến 200m đi thị trấn	180.000	360.000	2,0
3	Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 675 thuộc xã Sa Nhơn	120.000	234.000	1,95
II	Giá đất ở các khu vực khác tại nông thôn			
1	Xã Sa Bình			
-	Từ Trung tâm UBND xã (cũ) đi hướng Bình Trung 200m	173.000	346.000	2,0
-	Đường liên thôn (Bình Trung, Bình An, Bình Giang)	50.000	97.500	1,95
-	Đường liên thôn (Khúc Na, Kà Bẫy, làng Lung, Leng, Bình Loong)	30.000	60.000	2,0
2	Xã Sa Nghĩa			
-	Đường nhựa từ Nghĩa Long - Hòa Bình	100.000	190.000	1,90
III	Đất nông nghiệp Sa Nghĩa, Sa Nhơn			
1	Đất ruộng lúa 02 vụ	23.000	36.340	1,58
2	Đất ruộng còn lại	15.000	24.000	1,60
3	Đất trồng cây hàng năm khác	6.000	11.100	1,85
4	Đất trồng cây lâu năm	6.000	12.480	2,08
IV	Đất nông nghiệp xã Sa Bình			
1	Đất ruộng lúa 02 vụ	23.000	36.340	1,58
2	Đất ruộng còn lại	15.000	24.000	1,60

(Handwritten signature)